

Bản án số: **259/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/11/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Nam đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q

Các Nam thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi L

Bà Huỳnh Thị Kim K

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị L1 – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1293/2021/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Thông báo số 291/TB-TA ngày 16/7/2021 và Thông báo số: 401/TB-TA ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 2, phường AB, thành phố BH, ĐN.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 2, phường AB, thành phố BH, ĐN.

(Chị H, anh N có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình N kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vì không muốn cuộc sống

gia đình tan vỡ hai vợ chồng đã ngồi lại với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị H và anh N đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2020, nay thấy cuộc sống hôn nhân không hoà thuận, tình cảm nay cũng không còn, vợ chồng cảm thấy không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị H xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại bản tự khai - bị đơn anh Nguyễn Đình N trình bày:**

Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, từ trước tới nay không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị H.

- Về con chung: Anh N xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H, cho chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 25/10/2019 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc H, anh Nguyễn Đình N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình N. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Bùi Thị Ngọc H là nguyên đơn còn anh Nguyễn Đình N là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đình N có hộ khẩu thường trú tại thành phố BH, tỉnh ĐN và hiện nay đang sinh sống tại thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Về thủ tục tố tụng: Chị H, anh N có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với chị H và anh N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Nguyễn Đình N tự nguyện kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Được Ủy ban nhân dân phường AB, thành phố BH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 199 ngày 13/10/2017. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Đến tháng 11 năm 2020 chị và anh N sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường AB, thành phố BH ngày 16/6/2021 cung cấp trong thời gian chung sống với nhau chị H và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng là hiện nay chị H và anh N đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2020. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N theo như chị H khai là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh N nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

- **Về con chung:** Chị H, anh N xác định có 01 con chung cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 25/10/2019. Ly hôn chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N đồng ý giao cháu B cho chị H nuôi và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Xét sự tự nguyện của anh N là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cháu B. Giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H và anh N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Nam đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của chị H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H, chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 25/10/2019 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số 0001437 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH. Chị Bùi Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ngọc H, anh Nguyễn Đình N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. BH;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Q

